TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 06 - 6 - 2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Hoà

2. Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 và ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 232/2019/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa ra xét xử số: 39/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn P; sinh năm: 1974
Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm: 1974
Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: ông Vũ Tiến Đ; sinh năm: 1961
Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đặng Thị L, sinh năm: 1962
Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn ông P bà H có mặt; Bị đơn ông Đ có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Ông Phạm Văn P bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông có diện tích đất 3508,0m^2 tại thôn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tứ ranh đất: Một mặt giáp ông Đ, một mặt giáp đường nhựa, một mặt giáp ông Liêm, một mặt giáp đường đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 68, tờ bản đồ 16. Diện tích đất trên có nguồn gốc nhận sang nhượng của ông H (không nhớ rõ họ tên) năm 2001, hiện nay địa chỉ của ông Hải ông không biết ở đâu. Khi nhận sang nhượng năm 2001 thì phần con đường nhựa hiện nay thì thời điểm đó chỉ là con đường mòn đất khoảng 2m cho nhiều hộ đi ngang qua. Đến năm2004 thì UBND xã Đ có chính sách làm đường liên thôn liền kề với con đường hiện nay ôngđang tranh chấp. Đối với con đường hiện nay tranh chấp không có chính sách làm đường. Để tiện lợi cho lối đi ra Uỷ ban xã của người dân phía trong gồm hộ ông Vũ Tiến Đ và ông Trần Quang H nên vợ chồng ông thống nhất góp tiền để ủi con đường cho bằng dễ đi lại, để con đường được rộng hơn, gia đình ông đã tự nguyện hiến 03 m chiều ngang nằm phía đất của vợ chồng ông để ủi mở rộng đường. Khi vợ chồng ông P bà H cho hiến đất thì các bên không làm biên bản gì chỉ nói miệng giữa các hộ dân với nhau. Lý do vợ chồng ông hiến 3m ngang đất mục đích để mở rộng đất. Người đứng ra vận động và thu tiền để trả tiền ủi đất do ông Trần Đình Hùng. Đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì làm con đường bê tông, ông Đ và ông Huyện là người tự làm và đổ đường bê tông. Khi ông Đ và ông Huyện làm đường bê tông thì vợ chồng ông chưa có đơn kiện đến Toà án nhưng ông có nộp đơn đến UBND xã Đ về việc đổ đan làm đường của ông Đ và ông Huyện. UBND xã Đ có hoà giải nhưng không thành nên đã chuyển đến Toà án. Sau khi Toà án thụ lý hồ sơ thì ông đã rút đơn và yêu cầu hoà giải lại vào năm 2019 nên hồ sơ hiện nay chỉ có hồ sơ hoà giải tại xã Đ vào năm 2019. Trước khi ông Đ và ông H đổ đan làm đường vào khoảng tháng 11/2018 thì ông Đ đã làm hàng rào phần trước giáp con đường hiện tranh chấp. Khi chưa làm đường bê tông thì nước chảy thoát tự nhiên. Sau khi làm đường bê tông thì ông Đ tiến hành đổ đất và làm hàng rào trên phần đất hành lang tiếp giáp đường bê tông dẫn đến mương nước ngay ngã 3 không thoát được. Vợ chồng ông Phúc có yêu cầu ông Đ cho con đường thoát nước ra suối qua rẫy ông Đ nhưng ông Đ không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Vợ chồng ông xác định phần đất ông Đ rào là hành lang đường của Nhà nước (cụ thể là đường mòn dân sinh đã có trước khi ông Đ làm đường bê tông). Hành vi đổ đất rào lưới B40 của ông Đ làm cho mặt đường phía bên ông Đ cao hơn mặt đường phía bên ông nên nước mương không thoát được gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc cây trồng của hộ gia đình ông và các hộ khác. Năm 2018 vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu ông Đ mở đường để thoát nước chứ không khởi kiện về việc ông Đ lấn đất. Vợ chồng ông không nộp đơn đến Chủ tịch UBND xã Đ về hành vi lấn hành lang đường.

Vì vậy, vợ chồng ông P bà H khởi kiện ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đ trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của Nhà nước, trả lại hành lang đường của Nhà nước để các hộ dân mở lối thoát nước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày bổ sung: Năm 2014 ông Đ lấn chiếm đất, phần đất ông Đ lấn chiếm là đất công cộng (tức là của Nhà nược). Tháng 10/2018 các hộ dân tiến hành làm đường bê tông thì được UBND xã Đa8k Nhau cho xi măng, trước đó là con đường đất không ai đi. Ông không biết ai quản lý

việc làm đường chỉ biết ông Đ và ông H cùng làm. Ông Đ đã đổ đất lên hành lang tiếp giáp đường bê tông và rào lại làm mặt đường cao hơn so với phần đất đối diện của ông nên dẫn đến nước mưa không thoát được ngay ngã 3 làm ảnh hưởng đến việc trồng trọt của ông. Ông đã làm đơn kiến nghị đến UBND xã Đ nhưng hòa giải không thành. Việc làm đường bê tông ông không góp tiền vì ông đã tự nguyện hiến đất 02m, việc hiến đất không có hồ sơ. Đối với phần đất của ông hiện nay vợ chồng ông canh tác không giáp với đất ông Đ mà đối diện cách đường bê tông, phần hành lang đất của ông thì ông cũng làm hàng rào sát với đường bê tông để bảo vệ vườn cây của ông. Ông Phúc bà Phương khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại đất ông Đ đã lấn chiếm (phần đất ông Đ đổ đất hành lang tiếp giáp đường bê tông) và tháo dỡ hàng rào khôi phục hiện trạng ban đầu. Ngoài ra, ông bà không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Vũ Tiến Đ trình bày:* vợ chồng ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông P bà H, bởi lẽ: Đất của gia đình ông đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số 316 ngày 25/12/2000 thửa đất số 72, tờ bản đồ 16 từ đó đến nay không tranh chấp với ai. Mặt khác, đất của vợ chồng ông không liên kề với đất của ông P bà H mà chỉ tiếp giáp với đường mòn, đã thể hiện trên bản đồ. Ngoài ra, hàng cây sao và cây bạch đàn ông Phúc đã trồng định hình làm mốc giới và rào lưới B40, có cây sao đường kính trên 30cm. Năm 2018 theo chương trình nông thôn mới Nhà nước hỗ trợ xi măng có 02 hộ là gia đình ông Đ và hộ ông Huyện đầu tư làm đường. Ngày 18/10/2018 hộ ông Phúc không đóng góp tiền, do đó ông P bà H không có quyền yêu cầu ông mở rộng đường.

Ngày 14/02/2020 ông Đ nộp đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn ông P bà H, yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông P bà H phải xin lỗi ông;
- Buộc ông P bà H bồi thường tổn thất, uy tín, chi phí đi lại, ngày công và thuê Luật Sư tổng cộng số tiền 13.900.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, ông Đ trình bày bổ sung: Đường bê tông trước đây là đương be, Nhà nước có chủ trương làm con đường bê tông xi măng trong đó Nhà nước và dân cùng làm. Con đường bê tông đã làm có diện tích 4mx6m với chiều dài 214m dày 14 phân. Ông H đã vận động gia đình ông Hoài phần 82m tiếp giáp đường nhưng hộ ông Đ không đồng ý góp tiền để cùng làm. Còn phần đất của ông đang quản lý sử dụng có nguồn gốc nhận sang nhượng trước của ông Phúc, đất ông không giáp ranh với ông P mà giáp với đường bê tông. Còn phần đất ông Phúc cho rằng ông hiến đất là không đúng bởi lẽ trước khi ông Phúc nhận sang nhượng thì chủ trước đã trồng cà phê lấn ra đường nên khi làm đường bê tông thì buộc phải chặt bỏ hàng cà phê. Lý do nước không thoát được là do ngay cả 3 có 3 hộ dân lấn đường, cóng thoát nước trước đây đã bị lấp nên hiện giờ không có đường mương thoát nước chứ không phải do ông đổ đất rào đất lại. Năm 2014 do vườn ông Phúc thấp ông Đ có cho đặt ống thoát nước mưa qua rẫy ông nhưng sau khi làm đường bê tông thì ông không cho đặt nữa, mặt khác trong giấy chứng nhận QSD đất của tôi không thể hiện có đường thoát nước chạy qua rẫy ông. Do

đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P bà H. Đối với yêu cầu phản tố ông Đ rút một phần yêu cầu về việc công khai xin lỗi.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: tại phiên tòa, các đương sự đều khai diện tích đường chiều ngang 2m trong đó ông Đ, ông Huyện đã xin chủ trương xã Đak Nhau cùng làm. Nguyên đơn ông P bà H cho rằng ông Đ đổ đất, rào lưới phần hành lang tiếp giáp đường bê tông dẫn đến nước mưa không thoát được tràn qua rẫy vườn nhà ông đối diện nên gây thiệt hại ảnh hưởng đến cây trồng. Tuy nhiên, theo sơ đồ đo vẽ thì không có hành lang hạn chề sử dụng hoặc không được sử dụng. theo văn bản của UBND xã Đ, huyện B cung cấp thì không có việc hiến đất làm đường, khi làm đường không có làm ông cống thoát nước dẫn dòng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Ông Phạm Văn P Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện ông Vũ Tiến Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đ trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của Nhà nước, trả lại hành lang đường của Nhà nước để các hộ dân mở lối thoát nước. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P bà H về việc: Buộc ông Đ trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của Nhà nước, trả lại hành lang đường của Nhà nước để các hộ dân mở lối thoát nước:

Nguyên đơn ông P bà H trình bày vợ chồng ông có diện tích đất 3508,0m^2 tại thôn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tứ ranh đất: Một mặt giáp ông Đ, một mặt giáp đường nhựa, một mặt giáp ông Liêm, một mặt giáp đường đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 68, tờ bản đồ 16. Diện tích đất trên có nguồn gốc nhận sang nhượng của ông H (không nhớ rõ họ tên) năm 2001, tại thời điểm nhận sang nhượng đất con đường giáp dất của ông bà là con đường mòn đất khoảng 2m cho nhiều hộ đi ngang qua. Đến năm 2004 thì UBND xã Đ, huyện B có chính sách làm đường liên thôn liền kề với con đường hiện nay ông đang tranh chấp. Đối với con đường hiện nay tranh chấp không có chính sách làm đường. Để tiện lợi cho lối đi ra Uỷ ban xã của người dân phía trong gồm hộ ông Vũ Tiến Đ và ông Trần Quang H nên vợ chồng ông thống nhất góp tiền để ủi con đường cho

bằng dễ đi lại, để con đường được rộng hơn, gia đình ông đã tự nguyện hiến 03 m chiều ngang nằm phía đất của vợ chồng ông để ủi mở rộng đường. Khi vợ chồng ông P bà H cho hiến đất thì các bên không làm biên bản gì chỉ nói miệng giữa các hộ dân với nhau. Đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì làm con đường bê tông, ông Đ và ông H là người tự làm và đổ đường bê tông. Trước khi ông Đ và ông H đổ đan làm đường vào khoảng tháng 11/2018 thì ông Đ đã làm hàng rào phần trước giáp con đường hiện tranh chấp. Khi chưa làm đường bê tông thì nước chảy thoát tự nhiên. Sau khi làm đường bê tông thì ông Đ tiến hành đổ đất và làm hàng rào trên phần đất hành lang tiếp giáp đường bê tông dẫn đến mương nước ngay ngã 3 không thoát được. Vợ chồng ông P có yêu cầu ông Đ cho con đường thoát nước ra suối qua rẫy ông Đ nhưng ông Đ không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Vợ chồng ông xác định phần đất ông Đ rào là hành lang đường của Nhà nước (cụ thể là đường mòn dân sinh đã có trước khi ông Đ làm đường bê tông). Hành vi đổ đất rào lưới B40 của ông Đ làm cho mặt đường phía bên ông Đ cao hơn mặt đường phía bên ông nên nước mương không thoát được gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc cây trồng của hộ gia đình ông và các hộ khác. Tuy nhiên, bị đơn ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào giấy chứng nhận QSD đất của các bên đã đươc 5 cấp và biên bản thẩm định, sơ đồ đo vẽ ngày 24/12/2021 có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Diện tích đất ông Đ đang quản lý sử dụng có tứ ranh: Một mặt giáp đường bê tông, Một mặt tiếp giáp với ông Luyện, 02 mặt còn lại không tiếp giáp ông P bà H. Diện tích đất ông P bà H được cấp giấy chứng nhận QSD đất nằm đối diện với đất ông Đ cách con đường bê tông. Do đó, không thuộc vào trường hợp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề quy định tại Điều 251, Điều 252 của Bộ luật dân sự 2015 "Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất đồng sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp....Trường hợp nước tự nhiên chảy từ vị trí cao hơn xuống vị trí thấp mà gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua thì người sử dụng lối cấp thoát nước không phải bồi thường". Mặt khác, Nguyên đơn ông P bà H cũng thừa nhận phần diện tích đất ông Đ đổ đất và làm hàng rào là phần đất hành lang tiếp giáp đường bê tông, là đất của Nhà nước. Mặt khác, theo công văn số 30/UBND –KT ngày 25/01/2024 của UBND xã Đ cung cấp: Năm 2018 UBND xã phối hợp cùng ban quản lý thôn triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã với phương châm "Nhân dân và nhà nước cùng làm", người dân hiến đất và cây trồng trên đất, nhà nước đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, việc giải phóng mặt bằng các hộ dân tự cắt cây trồng, bàn giao mặt bằng, nhà nước không hỗ trợ đền bù. Trong cuộc họp triển khai xây dựng thì không họp triển khai về nguồn tiền dự phòng xây dựng con mương dẫn dòng, do địa hình con đường phức tạp về độ dốc nên bắt buộc phải đặt cống thoát nước băng ngang qua đường BTXM nói trên. Vì người dân chỉ hiến đất và cây trồng trên đất khi xây dựng đường BTXM, không có hiến đất xây dựng con mương dẫn dòng đi qua các thửa đất của các chủ sử dụng đất. Phần diện tích đất 260m^2 (tại các điểm A,B.C,D,F,10,8 E) trong đó điểm F theo sơ đồ đo vẽ ngày 24/12/2021 nằm trên đường bê tông xi măng áp

dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Việc ông Đ đổ đất rào phần hành lang tiếp giáp đường bê tông xi măng là bảo vệ đất và tài sản của ông, mặt khác ông P bà H yêu cầu ông Đ mở đường thoát nước trên đất ông Đ giáp đất ông L là không hợp lý vì ông Đ không hiến đất làm con mương dẫn dòng.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P bà H về việc buộc bị đơn ông Đ trả phần diện tích đất 260m^2 của Nhà nước, tháo dỡ hàng rào khôi phục hiện trạng ban đầu.

[3.]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Tiến Đ về việc buộc ông P bà H bồi thường tổn thất, uy tín, chi phí đi lại, ngày công và thuê Luật Sư tổng cộng số tiền 13.900.000đồng:

Tại phiên toà, ông Đ cho rằng do hành vi khởi kiện của ông P bà H làm cho vợ chồng ông Đ mặc cảm, làm mất uy tín của ông bà, làm cho ông Đ suy nghĩ nhiều nên ảnh hưởng đến tinh thần của ông. Theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại là ông P bà H phải có hành vi xâm phạm (như dùng lời lẽ xúc phạm....) đến danh dự, nhân phẩm của ông Đ và gây thiệt hại thì ông P bà H phải bồi thường. Giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại thực tế xảy ra phải có mối quan hệ nhân quả. Tuy nhiên, hành vi khởi kiện của ông P bà H đối với ông Đ không có mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi và thiệt hại. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh về danh dự, uy tín bị thiệt hại.

Đối với chi phí đi lại, ngày công và thuê Luật Sư bị đơn yêu cầu: đương sự có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng tại Toà án, khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn thì bị đơn có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đ về việc bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín do hành vi khởi kiện của ông P bà H, chi phí đi lại, ngày công và thuê Luật Sư với số tiền 13.900.000đồng là không có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Tuy nhiên, do ông Đ trên 60 tuổi. Theo văn bản hướng dẫn về người cao tuổi thì ông Đ là người cao tuổi và ông Đ có đơn xin miễn nộp án phí theo quy định. Vì vậy, ông Đ không phải nộp án phí.

[4.2] Về chi phí xác minh thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc sơ đồ: chi phí xem xét thẩm định 4.000.000đồng và chi phí sơ đồ đo vẽ số tiền 2.129.000đồng (theo biên lai hoá đơn tại bút lục 85). Tổng cộng là 6.219.000đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn ông P bà H phải chịu.

[5] Quan điểm xét xử của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 252, 592 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 105, 136 của Luật đất đai;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Văn P bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Đ trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của Nhà nước, trả lại hành lang đường của Nhà nước để các hộ dân mở lối thoát nước với diện tích 260m^2.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Tiến Đ về việc buộc ông P bà H bồi thường tổn thất, uy tín, chi phí đi lại, ngày công và thuê Luật Sư tổng cộng số tiền 13.900.000đồng.

[3] Về án phí dân sự và chi phí tố tụng khác:

Buộc nguyên đơn Ông Phạm Văn P Bà Nguyễn Thị Thu H nộp 1.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 375.000đồng mà ông bà đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0009842 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông P bà H còn phải nộp 925.000đồng.

Buộc bị đơn ông Vũ Tiến Đ phải nộp án phí DSST 695.000 đồng. Tuy nhiên ông được miễn nộp theo quy định nên không nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho ông Vũ Tiến Đ số tiền tạm ứng án phí 347.500đồng theo biên lai số 0010067 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thihành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. B;
- Chi cục THADS h. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh